

Số: 597/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 09 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3978/QĐ-BVHTTDL ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2020 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Quyết định số 631/QĐ-BVHTTDL ngày 04 tháng 02 năm 2021 Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Quyết định số 632/QĐ-BVHTTDL ngày 04 tháng 02 năm 2021 Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Quyết định số 820/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân cấp việc cấp, điều chỉnh và thu hồi giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng.

Nội dung các bộ phận cơ bản của thủ tục hành chính chuẩn hóa không nêu trong Quyết định này thực hiện theo Quyết định số 3978/QĐ-BVHTTDL ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thủ tục hành chính, danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại các Quyết định trước Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP; TTTT, LĐ TTPVHCC;
- Viễn thông Cao Bằng;
- Bưu điện tỉnh Cao Bằng;
- Lưu: VT, TTPVHCC^(N).

CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh
 Hoàng Xuân Ánh

Phụ lục 1

PHÍ VÀ LỆ PHÍ THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM

(Kèm theo Quyết định số: ~~597~~ /QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

(- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện:

- + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến;
- + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến).

Số thứ tự	Nội dung công việc	Mức thu (đồng)
Thẩm định và phân loại phim		
1	Phim thương mại:	
a	Phim truyện:	
a.1	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	3.600.000
a.2	Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập	
a.3	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
b	Phim ngắn:	
b.1	Độ dài đến 60 phút:	2.200.000
b.2	Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện	
2	Phim phi thương mại:	
a	Phim truyện:	
a.1	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	2.400.000
a.2	Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập	
a.3	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
b	Phim ngắn:	
b.1	Độ dài đến 60 phút	1.600.000
b.2	Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện	

Ghi chú: Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.

(Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh).

Phụ lục 2
PHÍ VÀ LỆ PHÍ THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM CÓ SỬ DỤNG
HIỆU ỨNG ĐẶC BIỆT TÁC ĐỘNG ĐẾN NGƯỜI XEM PHIM
(Kèm theo Quyết định số: 597 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Số thứ tự	Nội dung công việc	Mức thu (đồng)
Thẩm định và phân loại phim		
1	Phim thương mại:	
a	Phim truyện:	
a.1	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	3.600.000
a.2	Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập	
a.3	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
b	Phim ngắn:	
b.1	Độ dài đến 60 phút:	2.200.000
b.2	Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện	
2	Phim phi thương mại:	
a	Phim truyện:	
a.1	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	2.400.000
a.2	Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập	
a.3	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
b	Phim ngắn:	
b.1	Độ dài đến 60 phút	1.600.000
b.2	Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện	

Ghi chú: Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.

(Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh).

Phụ lục 3**PHÍ VÀ LỆ PHÍ THỦ TỤC TỔ CHỨC BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT TRÊN
ĐỊA BÀN QUẢN LÝ**

(Kèm theo Quyết định số: **597** /QĐ-UBND ngày **09** tháng **4** năm **2021** của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

(Không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương).

Mức thu phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn như sau:

Số thứ tự	Độ dài thời gian Của một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật	Mức thu phí (đồng/chương trình, vở diễn)
1	Đến 50 phút	1.500.000
2	Từ 51 đến 100 phút	2.000.000
3	Từ 101 đến 150 phút	3.000.000
4	Từ 151 đến 200 phút	3.500.000
5	Từ 201 phút trở lên	5.000.000

Trường hợp miễn phí:

Miễn phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn đối với chương trình phục vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia. Chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia theo quy định tại Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác bao gồm: các hoạt động biểu diễn nghệ thuật nhân kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước, kỷ niệm ngày quốc khánh các nước tại Việt Nam; tổ chức nhân chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao các nước đến Việt Nam; kỷ niệm ngày sinh nhật của một số lãnh tụ các nước tại Việt Nam hoặc nhân kỷ niệm sự kiện đặc biệt của nước ngoài được tổ chức tại Việt Nam.

- Lệ phí: Không.

Phụ lục 4**PHÍ VÀ LỆ PHÍ THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH
DOANH DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số: 597/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

1. Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:

Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường là 15.000.000 đồng/giấy.

2. Tại khu vực khác:

Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường là 10.000.000 đồng/giấy.

Phụ lục 5**PHÍ VÀ LỆ PHÍ THỦ TỤC PHÊ DUYỆT NỘI DUNG TÁC PHẨM MỸ THUẬT, TÁC PHẨM NHIẾP ẢNH NHẬP KHẨU CẤP TỈNH.**

(Kèm theo Quyết định số: 597 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

1. Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh:
 - Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.
 - Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.
 - Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng
2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh:
 - Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;
 - Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/ tác phẩm/ lần thẩm định.
 - Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.

Phụ lục 6
PHÍ VÀ LỆ PHÍ THỦ TỤC PHÊ DUYỆT NỘI DUNG TÁC PHẨM ĐIỆN ẢNH
NHẬP KHẨU CẤP TỈNH

(Kèm theo Quyết định số: ~~597~~ /QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Số TT	Nội dung công việc	Mức thu (đồng)
I. Thẩm định và phân loại phim		
1	Phim thương mại:	
a	Phim truyện:	
a.1	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	3.600.000
a.2	Độ dài từ 101 -150 phút tính thành 1,5 tập	
a.3	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
b	Phim ngắn:	
b.1	Độ dài đến 60 phút:	2.200.000
b.2	Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện	
2	Phim phi thương mại:	
a	Phim truyện:	
a.1	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim)	2.400.000
a.2	Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập	
a.3	Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập	
b	Phim ngắn:	
b.1	Độ dài đến 60 phút	1.600.000
b.2	Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện	

Ghi chú: Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.

Phụ lục 7**PHÍ VÀ LỆ PHÍ THỦ TỤC XÁC NHẬN DANH MỤC SẢN PHẨM NGHỆ NHÌN CÓ NỘI DUNG VUI CHƠI GIẢI TRÍ NHẬP KHẨU CẤP TỈNH.**

(Kèm theo Quyết định số: ~~597~~ /QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đối với các sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu dưới đây thì mức thu như sau:

1. Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau:

a) Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa:

- Đối với bản ghi âm: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).

- Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).

b) Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác:

- Đối với bản ghi âm:

+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình;

+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/chương trình.

- Đối với bản ghi hình:

+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình;

+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000 đồng/chương trình.

2. Chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác; chương trình nghệ thuật biểu diễn sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy phép thì không được hoàn trả số phí thẩm định đã nộp.

Phụ lục 8**PHÍ VÀ LỆ PHÍ THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH
DOANH DỊCH VỤ KARAOKE DO CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VĂN HÓA
CẤP HUYỆN CẤP**

(Kèm theo Quyết định số: 597/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

1. Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:

Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke:

- Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy.
- Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy.
- Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy.

2. Tại khu vực khác (trừ các khu vực quy định tại khoản 1 Điều này):

Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke:

- Từ 01 đến 03 phòng: 2.000.000 đồng/giấy.
- Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy.
- Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy.

Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp tăng thêm phòng là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định.

Phụ lục 9**PHÍ VÀ LỆ PHÍ THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KARAOKE DO CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HÓA CẤP HUYỆN CẤP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **597** /QĐ/UBND ngày **09** tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp tăng thêm phòng là 2.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 12.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định.
- Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp tăng thêm phòng là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định.
- Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.



Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (118 TTHC)							
A. LĨNH VỰC VĂN HÓA (63 TTHC)							
A1. Di sản văn hóa							
1	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng (Tòa nhà Bưu điện, đường Hoàng Đình Giông, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng)	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Chưa ban hành văn bản phí, lệ phí	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009; - Nghị định 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 9 năm 2010; - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/2/2004 của Bộ Văn hóa-Thông tin; - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
2	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật	16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống 16 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thể tại địa phương					21 tháng 9 năm 2010; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ.	- Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
3	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ. - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ;	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
4	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống 24 ngày - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
5	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp;	Không	- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		lệ		- Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.		của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ. - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ; - Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
6	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ. - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ VHTT; - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống 24 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
7	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung	40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến;	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 50 ngày xuống 40 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	tâm quản lý di tích			- Qua đường bưu điện.		32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ. - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
8	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 50 ngày xuống 40 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
9	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
10	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
11	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
12	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp;	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		hợp lệ		- Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.		- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
13	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
14	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ.	
A2. Điện ảnh							
15	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến).	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Phụ lục 1	- Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18 ngày 6 tháng 2009. - Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2011. - Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 7 năm 2008. - Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính.	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích .
16	Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng	15 ngày làm việc, kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau:	Xem phụ lục 2	- Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)	nhận hồ sơ hợp lệ	tỉnh Cao Bằng	- Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.		của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. - Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ. - Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2013. - Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính.	chính công ích.
A3. Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm							
17	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
18	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
19	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu	Không	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 06 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				điện.			qua dịch vụ bưu chính công ích.
20	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 06 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
21	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điều khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 06 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
22	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 06 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
23	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh	06 ngày làm việc, kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau:	Không	Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 06

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thâm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	nhận hồ sơ hợp lệ	tỉnh Cao Bằng	- Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.		phủ về hoạt động Nhiếp ảnh.	ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
24	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
25	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
26	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	mại						- Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
27	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
28	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
A4. Nghệ thuật biểu diễn							

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
29	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Xem phụ lục 3	-Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. -Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
30	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)						
31	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
32	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
A5. Văn hóa cơ sở							
33	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							chính công ích.
34	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
35	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Xem phụ lục 4	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
36	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	500.000 đồng/giấy phép	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 xuống 04 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
37	Thủ tục công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	- Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 9 năm 2014. - Hướng dẫn số 3337/HD-BVHTTDL-TLĐ ngày 10 tháng 8 năm 2015. - Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
38	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	- Điều 29, Điều 30 của Luật quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. - Khoản 2 Điều 9 của Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
39	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu	Không	Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				điện.			độ 3 trên Công Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
40	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ. - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính.	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
41	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	1.500.000 đồng/Giấy phép	- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ. - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
42	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành	08 ngày làm việc,	Trung tâm Phục vụ hành	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau:	1.500.000 đồng/Giấy	- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012.	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	chính công tỉnh Cao Bằng	- Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	phép	- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ. - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính.	10 ngày xuống 08 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
A6. Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế							
43	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ. - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
44	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Trường hợp đặc biệt không quá 15 ngày).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ. - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
45	Thủ tục phê duyệt	05 ngày	Trung tâm	Nộp hồ sơ, theo	Xem phụ	- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL	- Cắt giảm thời hạn

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	lục 5	ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
46	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Xem phụ lục 6	- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 45 ngày xuống 40 ngày làm việc ; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
47	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Xem phụ lục 7	- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 07 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
A8. Thư viện							
48	Thủ tục thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
49	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
50	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
A8. Gia đình							
51	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống 24 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
52	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp;	Không quy định	- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	hợp lệ		- Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.		- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
53	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống 16 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
54	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống 24 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						lịch.	
55	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	12 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
56	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống 16 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
57	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
58	Thủ tục cấp giấy chứng nhận	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành	Nộp hồ sơ, theo	Không quy định	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình		chính công tỉnh Cao Bằng	phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.		- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
59	Thủ tục cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 06 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
60	Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 06 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
61	Thủ tục cấp thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 06 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
62	Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 06 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
A9. Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ							

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
63	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp - Bưu chính công ích.	Không	- Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BVHTTDL-BCA ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Công an. - Thông tư số 30/2012/TT-BCA ngày 29 tháng 5 năm 2012 của Bộ Công an. - Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	-Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
B. LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO (29 TTHC)							
64	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	-Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
65	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
66	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
67	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
68	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên	08 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau:	Không	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 08

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	hợp lệ	tỉnh Cao Bằng	- Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.		2018.	ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
69	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	08 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
70	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	08 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							- Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
71	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
72	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	
73	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
74	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
75	Thủ tục cấp Giấy	05 ngày	Trung tâm	Nộp hồ sơ, theo	2.000.000	- Luật Thể dục, thể thao số	- Cắt giảm thời hạn

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	đồng	77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
76	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
77	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh	05 ngày làm việc, kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau:	2.000.000 đồng	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	nhận hồ sơ hợp lệ.	tỉnh Cao Bằng	- Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.		điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
78	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
79	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến;	2.000.000 đồng	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	môn Dù lượn và Điều bay			- Qua đường bưu điện.		2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
80	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc ; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
81	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu	2.000.000 đồng	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				điện.		ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
82	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
83	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
84	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
85	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018 - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>lịch.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.</p>	
86	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	<p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.</p> <p>- Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.</p>	<p>- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc;</p> <p>- Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>
87	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	<p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.</p> <p>- Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	<p>- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc;</p> <p>- Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	
88	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
89	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. 	
90	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
91	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân 	<ul style="list-style-type: none"> - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	
92	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	2.000.000 đồng	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
C. LĨNH VỰC DU LỊCH (21 TTHC)							
C1. Lữ hành							
93	Thủ tục công nhận điểm du lịch cấp tỉnh	24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống 24 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch .	
94	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	1.500.000 đồng/Giấy phép (Thông tư số 112/2020/T T-BTC ngày 29/12/2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 30/6/2021)	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019. - Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
95	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến;	750.000 đồng/Giấy phép (Thông tư số	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				- Qua đường bưu điện.	112/2020/T T-BTC ngày 29/12/2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 30/6/2021)	- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019. - Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021.	công trực tuyến mức độ 3 trên Công Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
96	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	1.000.000 đồng/Giấy phép (Thông tư số 112/2020/T T-BTC ngày 29/12/2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 30/6/2021)	-Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019. - Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Có hiệu lực từ ngày 01	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Công Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021.	
97	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
98	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
99	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
100	Thủ tục chấm dứt	04 ngày	Trung tâm	Nộp hồ sơ, theo	Không quy	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày	- Cắt giảm thời hạn

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	định	19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	giải quyết từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
101	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	08 ngày, kể từ ngày có kết quả kiểm tra	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	100.000 đồng/Thẻ (Thông tư số 112/2020/T T-BTC ngày 29/12/2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 30/6/2021)	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
102	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng	08 ngày, kể từ ngày kết thúc khóa cập nhật kiến thức	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu	Không	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	dẫn viên du lịch quốc tế			điện.		lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.	Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
103	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 13 ngày xuống 07 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
104	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyên địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	1.500.000 đồng/Giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
105	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng	04 ngày làm việc kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau:	1.500.000 đồng/Giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 04

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	nhận hồ sơ hợp lệ	tỉnh Cao Bằng	- Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.		- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
106	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	1.500.000 đồng/Giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
107	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	1.500.000 đồng/Giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
108	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	325.000 đồng/Thẻ (Thông tư số 112/2020/T T-BTC ngày 29/12/2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 30/6/2021)	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019. - Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
109	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	325.000 đồng/Thẻ (Thông tư số 112/2020/T T-BTC ngày 29/12/2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 30/6/2021)	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021.	
110	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	325.000 đồng/thẻ (Thông tư số 112/2020/T T-BTC ngày 29/12/2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 30/6/2021).	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019. - Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
111	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	325.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa. -100.000	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm. (Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 30/6/2021).	Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019. - Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021.	- Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
112	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	47 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
C2. Dịch vụ du lịch khác							
113	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	1.000.000 đồng	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống 16 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
114	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống 16 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
115	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức	16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp;	1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống 16 ngày làm việc;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	hồ sơ hợp lệ		- Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.		ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
116	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống 16 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
117	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp;	1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống 16 ngày làm việc;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	hồ sơ hợp lệ		- Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.		ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
118	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	- 1.500.000 đồng/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 1 sao, 2 sao. - 2.000.000 đồng/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 3 sao	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống 24 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (20 TTHC)							
A1. Văn hóa cơ sở							
1	Thủ tục cấp Giấy	05 ngày	Bộ phận Tiếp	Nộp hồ sơ, theo	Xem phụ	Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày	- Tích hợp dịch

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)	làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện.	lục 08	19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính.	vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
2	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện.	Xem phụ lục 09	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
3	Thủ tục công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện.	Không	- Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Hướng dẫn số 3337/HD-BVHTTDL-TLĐ ngày 10 tháng 8 năm 2015. - Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
4	Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa	05 ngày làm việc, kể từ ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau:	Không quy định	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	hàng năm	nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện	- Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện.		đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2018.	chính công ích.
5	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2018.	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
6	Thủ tục công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện.	Không	Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”. Có hiệu lực từ ngày 16/01/2012.	- Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
7	Thủ tục công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện.	Không	Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”. Có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2012.	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
8	Thủ tục công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp;	Không	Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2013 quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	văn minh đô thị”	sơ hợp lệ	huyện	- Qua đường bưu điện.		và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”; “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”. Có hiệu lực từ ngày 10 tháng 3 năm 2013.	
9	Thủ tục công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện.	Không	Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2013 quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”; “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”. Có hiệu lực từ ngày 10 tháng 3 năm 2013.	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
10	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày xuống 16 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
11	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
A2. Thư viện							
12	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
13	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng						
14	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
A3. Gia đình							
15	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
16	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
17	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
18	Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
19	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
20	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (07 TTHC)							
A. LĨNH VỰC VĂN HÓA							
A1. Văn hóa cơ sở							
1	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu	Không quy định	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				điện.			
2	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
3	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc; - Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
A2. Thư viện							
4	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						lịch.	
5	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
6	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không quy định	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
B. THẺ DỤC THỂ THAO							
7	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	Nộp hồ sơ, theo phương thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp trực tuyến; - Qua đường bưu điện.	Không	- Luật Thẻ dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính. - Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

Tổng số danh mục TTHC được chuẩn hóa:	145
Trong đó:	
- Cấp tỉnh:	118 TTHC
- Cấp huyện:	20 TTHC
- Cấp xã:	07 TTHC
Tổng Số TTHC tích hợp trên cổng dịch vụ công quốc gia:	68
- Cấp tỉnh:	54
- Cấp huyện:	09
- Cấp xã:	05
Qua dịch vụ bưu chính công ích:	145
Cấp tỉnh:	118
Cấp huyện:	20
Cấp xã:	07
Tổng số TTHC cắt giảm thời hạn giải quyết:	99
- Cấp tỉnh:	96
- Cấp huyện:	02
- Cấp xã:	01